

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/6/2019
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Tăng Thị Thu Hoà.

+ Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn : Ông Phạm Đại Vương - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội. (Đóng tại xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội). Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Dương Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đỗ Văn P kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 14/02/2006 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không tu chí làm ăn, mắc nghiện ma túy, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh P không từ bỏ được ma túy dẫn đến vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Tháng 5/2015 chị mang các con về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam sống cho đến nay. Hiện nay anh P đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Tại bản tự khai của đương sự ngày 05/6/2019, anh Đỗ Văn P là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời gian sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị T trình bày. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do anh đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội, anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Đỗ Văn P trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 31/01/2007 và cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 26/3//2009. Hiện nay các cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Nguyện vọng của anh P đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị T. Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Đỗ Văn P. Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 31/01/2007 và cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 26/3//2009 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét

xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Dương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Đỗ Văn P là bị đơn; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Đỗ Văn P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Đỗ Văn P kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 14/02/2006 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn đánh cãi, chửi nhau. Nguyên nhân là do anh P không tu chí làm ăn, mắc nghiện ma túy, chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P không từ bỏ được ma túy và hiện tại anh P đang cai nghiện ở cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 5/2015 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh P nhất trí, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T, anh P là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Đỗ Văn P có hai con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 31/01/12/2007 và cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 26/3//2009. Qua tài liệu xác minh và lời thừa nhận của các đương sự thì các cháu đang ở với chị T từ năm 2015 cho đến nay, được nuôi dưỡng tốt về mọi mặt, ý kiến của cháu Q và cháu T xin được ở với mẹ, nguyện vọng của chị T khi ly hôn xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con. Để bảo đảm ổn định cuộc sống của các con và xét thấy yêu cầu nuôi con của chị T là tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị T và anh Đỗ Văn P thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn. Tại phiên tòa, chị T xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (Chị T xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh P). Xét thấy, sự tự nguyện của đương sự là phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Đỗ Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 31/01/2007 và cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 26/3//2009 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh P không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Thuyên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Dương Thị T chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị T xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn của anh P được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001547 ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đại Cường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh và Bà Tăng Thị Thu Hoà.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự "Ly hôn" thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ

ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thuyên, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Dương Cương xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn : Ông Phạm Đại Vương - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Phóng, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Dương Cương, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội. (Đóng tại xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội). Anh Phóng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NH SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

- ☐ kiến của hai Hội thẩm nhân dân:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- ☐ kiến của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: $3/3 = 100\%$.

2. Về nội dung quyết định.

- ☐ kiến của hai Hội thẩm nhân dân:

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thuyên và anh Đỗ Văn Phóng.

Con chung: Giao cháu Đỗ Minh Quân, sinh ngày 31/01/12/2007 và cháu Đỗ Minh Toàn, sinh ngày 26/3//2009 cho chị Thuyên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh phóng không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Thuyên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí: Chị Thuyên chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị Thuyên xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn của anh Phóng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí

chị Thuyên đã nộp 300.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Thuyên đã nộp đủ.

Chị Thuyên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phóng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

- ☐ kiến của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: $3/3 = 100\%$.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 15 phút, ngày 28/6/2019.

Biên bản đã được các thành viên trong Hội đồng xét xử đọc lại, nhất trí và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kim Bảng, ngày 31 háng 5 năm 2019.

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 5 năm 2019.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh và Trần Thị Nga.

Căn cứ vào Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự "Ly hôn" thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019.

Theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đ- ong sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tâm, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn T- ờng Thụy 2, xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

* *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn Đoàn, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 10, thôn Tùng Quang, xã Đại C- ong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã đ- ọc xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- □ kiến của hai Hội thẩm nhân dân: Tại phiên tòa, anh Đỗ Văn Đoàn là bị đơn trong vụ án đã đ- ọc triệu tập hợp lệ nh- ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227; Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật tố Tụng dân sự đề nghị hoãn phiên tòa xét xử vụ án dân sự thụ lý số 80/2017/TLST-HNGĐ ngày

18 tháng 7 năm 2017.

Thời gian mở lại phiên tòa đã được ấn định vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Địa điểm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- □ kiến của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất, biểu quyết thông qua nội dung thảo luận, nhất trí tán thành với 3/3 ý kiến = 100%.

Biên bản thảo luận kết thúc vào hồi 9 giờ 45 phút, ngày 19/01/2017.

Biên bản đã được các thành viên trong Hội đồng xét xử đọc lại, nhất trí và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kim Bảng, ngày 26 tháng 6 năm 2019

PHIẾU ĐỀ XUẤT

(Phiên toà xét xử ngày 28/8/2019)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ thụ lý thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thuyền, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Dương Cương xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn : Ông Phạm Đại Vương - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Phóng, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Dương Cương, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

*** Hướng giải quyết:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thuyền và anh Đỗ Văn Phóng.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh Quân, sinh ngày 31/01/12/2007 và cháu Đỗ Minh Toàn, sinh ngày 26/3//2009 cho chị Thuyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh phóng không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Thuyền.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Dương Thị Thuyền chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo.

Vậy tôi đề xuất hướng giải quyết với Chánh án.

Thẩm phán đề xuất

